TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2018/DS-ST
Ngày: 06-12-2018
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vân;

Ông Mai Trần Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Hải Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Võ Minh Mẫn – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:329/2018/TLST-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:113/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Số 15/4, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đặng Kim L, sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 1, Phường 1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (Văn bản ủy quyền ngày 09/10/2018).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962 (có mặt).

Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm 1959 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 14B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/9/2018 và lời khai trong quá trình giải quyết

vụ án, nguyên đơn – bà Nguyễn Kim T trình bày:

Bà và bà T1 bắt đầu giao dịch vay mượn tiền với nhau vào năm 2016, mỗi lần bà T1 mượn vài chục triệu đồng và mượn làm nhiều lần, đến cuối năm 2017, hai bên đã thanh toán hết nợ cũ với nhau. Đến tháng 4/2018, bà T1 vay của bà số tiền 160.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng nhưng không làm giấy tờ. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3%/tháng với thời hạn vay là 10 ngày. Nhưng sau khi vay, bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi và gốc nào nên ngày 01/5/2018 (âm lịch), bà yêu cầu bà T1 viết giấy biên nhận nợ cho bà. Bà T1 không viết giấy còn nợ lại bà 160.000.000 đồng mà viết giấy còn nợ lại 140.000.000 đồng, riêng 20.000.000 đồng còn lại thì bà T1 xin được góp cho bà với số tiền 220.000 đồng/ngày và bà T1 viết giấy ngày 15/6/2018 (âm lịch), bà T1 đã góp cho bà được 50 ngày với tổng số tiền 11.000.000 đồng, còn nợ lại 9.000.000 đồng. Tổng cộng, bà T1 còn nợ lại bà 149.000.000 đồng. Từ sau khi viết giấy biên nhận đến nay, bà T1 không trả được cho bà số tiền vay gốc và lãi nào.

Nay bà yêu cầu vợ chồng bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền vay gốc 149.000.000 đồng, không tính lãi.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà và bà T bắt đầu giao dịch vay mượn tiền với nhau vào khoảng tháng 6 năm 2016 (âm lịch), vay làm nhiều lần, cụ thể bao nhiêu lần thì bà không nhớ. Đến Tết của năm 2017, hai bên chốt lại thì bà vay của bà T tổng cộng 165.000.000 đồng. Khi vay hai bên không thỏa thuận thời hạn trả, nhưng thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Từ khi vay đến tết năm 2017, bà đóng lãi đầy đủ cho bà T. Sau đó, bà đóng thêm tiền lãi cho đến tháng 3/2018 (âm lịch) thì ngưng không đóng lãi cho đến nay. Riêng tiền gốc, bà đã trả được 11.000.000 đồng, trả dưới hình thức góp mỗi ngày 220.000 đồng x 50 ngày (bắt đầu góp từ ngày 15/6/2018 (âm lịch). Mỗi lần vay bà đều viết và ký vào sổ của bà T, riêng tiền lãi bà trả thì bà T tự ghi vào sổ của bà T. Bà T không ghi vào sổ của bà và cũng không giao cho bà giữ giấy tờ gì về việc bà mượn tiền và trả lãi. Mục đích bà vay tiền của bà T là để cho vay lại kiếm thêm thu nhập nhưng đã bị giật nợ.

Nay bà thừa nhận có vay và viết giấy biên nhận còn nợ lại bà Nguyễn Kim T 149.000.000 đồng tiền vay gốc. Bà đồng ý một mình trả tiền theo yêu cầu của bà T, ông Huỳnh Văn T1 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả số tiền trên cho bà T, vì việc vay mượn tiền giữa bà với bà T, ông T1 chồng bà không biết.

Bị đơn – ông Huỳnh Văn T1:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ 02 lần để tham gia phiên tòa nhưng ông T1 không đến, không có lý do và cũng không gửi cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà T nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Kim T. Buộc ông Huỳnh Văn T1 và bà Nguyễn Thị T1 có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền vay gốc 149.000.000 đồng, không tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các T1 liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng:

[1] Căn cứ đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ kèm theo của nguyên đơn có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn cư trú tại: Tổ 14B, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

[3] Ông Huỳnh Văn T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T1.

* Về nội dung:

[1] Xét yêu cầu của của nguyên đơn – bà Nguyễn Kim T thì thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn – bà Nguyễn Thị T1 thừa nhận, bà còn nợ lại bà T số tiền 149.000.000 đồng. Chứng cứ do bà T giao nộp cho Tòa án là giấy biên nhận nợ ngày 01/5/2018 (âm lịch) và giấy ghi đóng tiền góp ngày 15/6/2018 (âm lịch) là do bà viết và ký nhận như lời trình bày của bà T. Tuy nhiên, bà T1 chỉ đồng ý một mình trả số nợ trên cho bà T, vì giao dịch vay mượn tiền giữa bà với bà T, ông T1 chồng của bà không biết nên ông T1 không có nghĩa vụ liên đới cùng bà trả nợ theo yêu cầu của bà T.

[2] Xét thấy, tại biên bản lấy lời khai ngày 01/11/2018 (bút lục 28), bà T1 trình bày: Mục đích bà vay tiền của bà T là để cho vay lại kiếm thêm thu nhập lo chi phí sinh hoạt chi tiêu trong gia đình.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/11/2018 (bút lục 52, 53), bà T1 trình bày: Mục đích bà vay tiền của bà T là để cho vay lại kiếm thêm thu nhập nhưng đã bị giật nợ.

Tại giấy biên nhận ngày 01/5/2018 (âm lịch) (bút lục 25) do bà T1 viết thể hiện: việc bà T1 mượn tiền của bà T, ông T1 chồng của bà T1 biết.

[3] Do đó, có cơ sở kết luận giao dịch vay mượn tiền giữa bà T với bà T1 là giao dịch dân sự hợp pháp nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Ông Huỳnh Văn T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, nhưng ông T1 không đến và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Xét thấy, ông T1 và bà T1 là vợ chồng hợp pháp theo quy định của pháp luật nên ông T1 phải chịu trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả nợ cho bà T.

Từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T1 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim T.

Buộc bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Kim T số tiền vay gốc 149.000.000 (một trăm bốn mươi chín triệu) đồng, không tính lãi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 09/2018/QĐ-BPKCTT ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị T1 và ông Huỳnh Văn T1 phải chịu 7.450.000 (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Kim T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.725.000 (ba triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0019029 ngày 25/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh để xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Ngọc Phượng